

Phụ lục 06

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày / /2025 của Ủy ban nhân dân xã)

DVT: 1.000 đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư theo quyết định đầu tư	Thời gian KH-HT	Địa điểm thực hiện theo địa giới hành chính mới (1)	Quyết định phê duyệt đầu tư					Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025				Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó:			Tổng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn	Trong đó:			
							Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã		Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	19
	TỔNG SỐ					207.527.641	4.698.303	21.900.459	180.928.879	207.527.641	4.698.303	21.900.459	180.928.879	
I	Nguồn thu tiền sử dụng đất					180.891.506	-	1.705.200	179.186.306	180.891.506	-	1.705.200	179.186.306	
I.1	Ngành, lĩnh vực: 071 - Giáo dục mầm non					5.190.003	-	-	5.190.003	5.190.003	-	-	5.190.003	
1	Đầu tư mặt bằng xây dựng điểm Trường Mầm non Bình Tường		2022		Số 74/QĐ-UBND ngày 07/03/2022	1.199.123			1.199.123	1.199.123			1.199.123	
2	Đầu tư nâng cấp, mở rộng mặt bằng trường Mầm non Bình Tường		2024		291/QĐ-UBND ngày 8/9/2023	3.990.880			3.990.880	3.990.880			3.990.880	
I.2	Ngành, lĩnh vực: 072 - Giáo dục tiểu học					3.598.221	-	-	3.598.221	3.598.221	-	-	3.598.221	
1	Trường Tiểu học số 1 Bình Tường (Điểm Hòa Sơn)		2021		4178/QĐ-UBND ngày 25/8/2021	2.378.070			2.378.070	2.378.070			2.378.070	
2	Bê tông xi măng sân trước Trường Tiểu học điểm Hòa Sơn		2024		153/QĐ-UBND ngày 14/5/2024	1.012.029			1.012.029	1.012.029			1.012.029	
3	Trường tiểu học Bình Tường, điểm Hòa Sơn. Hàng mục: nâng mặt bằng, Lát gạch bloc lối đi		2022		Số 432/QĐ-UBND ngày 5/11/2022	208.122			208.122	208.122			208.122	
I.3	Ngành, lĩnh vực: 073 - Giáo dục trung học cơ sở					1.205.667	-	-	1.205.667	1.205.667	-	-	1.205.667	
1	Xây dựng mới tường rào phía sau và Bê tông xi măng sân trước trường THCS Mai Xuân Thưởng		2024		244/QĐ-UBND ngày 6/8/2024	1.205.667			1.205.667	1.205.667			1.205.667	
I.4	Ngành, lĩnh vực: 161 - Văn hóa					10.897.137	-	-	10.897.137	10.897.137	-	-	10.897.137	
1	Xây dựng Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã Bình Tường		2022		492/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	8.815.168			8.815.168	8.815.168			8.815.168	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư theo quyết định đầu tư	Thời gian KH-HT	Địa điểm thực hiện theo địa giới hành chính mới (1)	Quyết định phê duyệt đầu tư					Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025				Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó:			Tổng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn	Trong đó:			
							Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã		Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	19
2	Bê tông xi măng sân sau Nhà Văn hóa thôn Hòa Hiệp và đầu tư lắp đặt một số dụng cụ tập luyện thể thao ngoài trời		2022		406/QĐ-UBND ngày 6/10/2022	887.129			887.129	887.129			887.129	
3	Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã Bình Tường. Hạng mục: Tường rào cổng ngõ; Sân bóng đá, dụng cụ thể thao ngoài trời, điện chiếu sáng, trồng cây xanh		2023		171/QĐ-UBND ngày 19/6/2023	1.194.840			1.194.840	1.194.840			1.194.840	
1.5	Ngành, lĩnh vực: 191 - Phát thanh					1.119.158	-	-	1.119.158	1.119.158	-	-	1.119.158	
1	Lắp đặt hệ thống đài truyền thanh xã Bình Tường, huyện Tây Sơn		2021		403/QĐ-UBND ngày 7/6/2021	1.119.158			1.119.158	1.119.158			1.119.158	
1.6	Ngành, lĩnh vực: 261 - Xử lý chất thải rắn					662.357	-	-	662.357	662.357	-	-	662.357	
1	Xây dựng nhà lưu chứa rác thải và bể chứa vò thuốc, bao bì sau sử dụng		2022		Số 144/QĐ-UBND ngày 22/04/2022	662.357			662.357	662.357			662.357	
1.7	Ngành, lĩnh vực: 283 - Thủy lợi và dịch vụ thủy lợi					304.796	-	-	304.796	304.796	-	-	304.796	
1	Kênh mương từ nhà ông Khải đến nhà bà Phương		2021		26036/QĐ-UBND ngày 9/12/2021	304.796			304.796	304.796			304.796	
1.8	Ngành, lĩnh vực: 292 - Giao thông đường bộ					41.524.658	-	1.505.200	40.019.458	41.524.658	-	1.505.200	40.019.458	
1	Đường nhà bà Bình đến nhà ông Tư		2020		446/QĐ-UBND ngày 29/12/2020	1.079.115			1.079.115	1.079.115			1.079.115	
2	Tuyến đường Từ Mả Vôi Đen đến đường BTXM đội 1 Hòa Sơn (nội đồng)		2021		496/QĐ-UBND ngày 24/6/2021	787.316			787.316	787.316			787.316	
3	Tuyến đường nhà ông Pháp đến Chợ (Liên Thôn)		2021		524/QĐ-UBND ngày 5/7/2021	525.293			525.293	525.293			525.293	
4	Mở rộng mặt đường trước khu dân cư đến chợ Hòa Sơn Hạng mục: Mặt đường BTXM +Công hợp		2022		Số 211/QĐ-UBND ngày 25/5/2022	438.717			438.717	438.717			438.717	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư theo quyết định đầu tư	Thời gian KH-HT	Địa điểm thực hiện theo địa giới hành chính mới (1)	Quyết định phê duyệt đầu tư					Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025				Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó:			Tổng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn	Trong đó:			
							Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã		Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	19
5	Tuyến đường nội bộ khu dân cư Hòa Trung		2022		279/QĐ-UBND ngày 20/7/2022	1.036.040			1.036.040	1.036.040			1.036.040	
6	Đường từ nhà ông Hoàng đến nhà ông Chùng Hòa Sơn. Hạng mục: Thảm bê tông nhựa, bê tông bó vỉa, lát gạch Block vỉa hè, kè mái bê tông, hệ thống thoát nước		2022		Số 117/QĐ-UBND ngày 07/04/2022	1.581.000			1.581.000	1.581.000			1.581.000	
7	Mở rộng, bê tông, thảm nhựa tuyến đường từ quốc lộ 19 đến nhà ông Dũng Ký Bỏ Hòa Sơn		2022		Số 416/QĐ-UBND ngày 28/10/2022	956.160			956.160	956.160			956.160	
8	Mở rộng tuyến đường từ Quốc lộ 19 đến nhà ông Tân Hòa Trung		2022-2024		Số 286/QĐ-UBND ngày 22/7/2022	4.056.853			4.056.853	4.056.853			4.056.853	
9	Mở rộng, thảm nhựa tuyến đường vào trung tâm Văn hóa - Thể thao xã Bình Tường		2023		103/QĐ-UBND ngày 3/3/2023	1.209.078			1.209.078	1.209.078			1.209.078	
10	Di dời hệ thống điện trên tuyến đường và trong khuôn viên trung tâm Văn hóa - Thể thao xã Bình Tường		2023		138/QĐ-UBND ngày 18/5/2023	515.454			515.454	515.454			515.454	
11	Xây dựng cầu qua Hòa Lộc Hạ - thôn Hòa Hiệp, xã Bình Tường		2023		209/QĐ-UBND ngày 21/7/2023	390.870			390.870	390.870			390.870	
12	Nâng cấp đường xung quanh UBND xã Tây Phú. Hạng mục: Nâng cấp Bê tông nhựa		2021		1015, 09/12/2021	1.032.577			1.032.577	1.032.577			1.032.577	
13	Cải tạo đường ống cấp nước đường trung tâm xã. Hạng mục: Cải tạo đường ống cấp nước		2021		1053, 25/12/2021	269.230			269.230	269.230			269.230	
14	BTGT từ HTX lâm nghiệp đi cây Nơi		2022		597, 27/10/2022	1.220.472			1.220.472	1.220.472			1.220.472	
15	BTGT dọc đường Kiên Giang đoạn Phú Mỹ		2022		601, 27/10/2022	1.183.379			1.183.379	1.183.379			1.183.379	
16	Từ Cầu Đồi thôn Phú Thọ đi Phú Văn TT Phú Phong		2022		649, 08/12/2022	1.107.449			1.107.449	1.107.449			1.107.449	
17	BTGT từ suối Cò Cò đến giáp đường Bảo tàng Quang Trung - Hầm Hô		2022		569, 10/11/2022	1.216.112			1.216.112	1.216.112			1.216.112	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư theo quyết định đầu tư	Thời gian KH-HT	Địa điểm thực hiện theo địa giới hành chính mới (1)	Quyết định phê duyệt đầu tư					Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025				Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó:			Tổng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn	Trong đó:			
							Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã		Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	19
18	BTGT từ Gò Cây di giáp đường Bảo tàng Quang Trung - Hầm Hô		2022		570, 10/11/2022	749.698			749.698	749.698			749.698	
19	BTGT từ Chùa Phước Sơn đến Mường Lộc Giang		2022		571, 10/11/2022	227.776			227.776	227.776			227.776	
20	Mở rộng BTXM từ nhà Trần Văn Hải đến nhà Chu Quốc Liệu		2022		670, 23/12/2022	484.976			484.976	484.976			484.976	
21	Mở rộng tuyến đường từ miếu Phú Thọ đến nhà văn hóa thôn Phú Thọ		2023		412, 21/11/2023	899.480			899.480	899.480			899.480	
22	BTGT từ cầu Hóc La đến ngã tư đường vào Gò Cây		2023		20, 10/02/2023	1.188.998			1.188.998	1.188.998			1.188.998	
23	BTGT từ trấn Lâm đến đường bê tông xóm Chuồng Gà		2022		622, 16/11/2022	978.117			978.117	978.117			978.117	
24	BTXM từ đường tránh phía Nam thị trấn Phú Phong đến gò Thủy Thuận - thôn Phú Hiệp		2023		166, 30/05/2023	1.334.458			1.334.458	1.334.458			1.334.458	
25	Nâng đất cấp phối đường từ Gò Thủy Thuận đến giáp đất Lâm nghiệp, thôn Phú Hiệp, Hạng mục: Nền, mặt đường cấp phối		2024		466, 26/12/2024	231.631			231.631	231.631			231.631	
26	BTXM từ nhà bà Thủy đến Chợ Tây Phú				191, 04/07/2024	340.012			340.012	340.012			340.012	
27	Khắc phục sạt lở núi Trang Dài, thôn Phú Lâm, xã Tây Phú					-			-	-			-	
28	Bê tông xi măng đoạn từ Trần Suối Cỏ Cò đến xã Tây Xuân		2025			848.992			848.992	848.992			848.992	
29	Bê tông xi măng từ Gò Thủy Thuận đến giáp đất Lâm nghiệp		2025			610.705			610.705	610.705			610.705	
30	Tuyến đường từ ngã ba nhà ông Phước đến ngã ba Cây Thông		2022		Số 287/QĐ-UBND ngày 22/7/2022	13.691.700		1.246.200	12.445.500	13.691.700		1.246.200	12.445.500	
31	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ Mầm non Bình Tường đến đường bê tông Quán Ấ - Vĩnh An		2024		Số 265/QĐ-UBND ngày 16/8/2024	720.700			720.700	720.700			720.700	
32	Tuyến kênh từ sau nhà Quán đến cống ra bầu Điện Hòa Trung					612.300		259.000	353.300	612.300		259.000	353.300	
1.9	Ngành, lĩnh vực: 312 - Kiến thiết thị chính					108.632.294		-	200.000	108.432.294	108.632.294	-	200.000	108.432.294
1	Xây dựng hạ tầng khu dân cư tại xã Bình Tường năm 2020; Hạng mục Điểm dân cư dưới nhà Môn, thôn Hòa Sơn		2022		Số 274/QĐ-UBND ngày 14/7/2022	14.418.661			14.418.661	14.418.661			14.418.661	
2	Chỉnh trang vỉa hè khu trung tâm xã Bình Tường		2022		Số 200/QĐ-UBND ngày 20/05/2022	1.140.373			1.140.373	1.140.373			1.140.373	
3	Lát gạch Block vỉa hè dọc Quốc lộ 19, Đoạn từ Trạm y tế xã đến Nhà thuốc tây Bình Tường		2022		Số 439/QĐ-UBND ngày 7/11/2022	1.170.782			1.170.782	1.170.782			1.170.782	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư theo quyết định đầu tư	Thời gian KH-HT	Địa điểm thực hiện theo địa giới hành chính mới (1)	Quyết định phê duyệt đầu tư					Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025				Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó:			Tổng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn	Trong đó:			
							Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã		Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	19
4	Lát gạch Block vỉa hè dọc Quốc lộ 19, từ nhà thuốc tây đến cầu Bình Tường		2022		442/QĐ-UBND ngày 11/11/2022	1.170.783			1.170.783	1.170.783			1.170.783	
5	Chỉnh trang vỉa hè, đường hoa trung tâm xã. Hạng mục: Mở rộng vỉa hè		2021		1014, 09/12/2021	1.081.855			1.081.855	1.081.855			1.081.855	
6	Kè mái BTXM; BTXM mở rộng; Vỉa hè mở rộng đoạn trước trạm Y tế xã+Trước trường THCS Tây Phú+Gần cổng chào Phú Thọ		2023		149, 26/04/2023	414.707			414.707	414.707			414.707	
7	Xây dựng hạ tầng Khu dân cư Phú Thịnh, xã Tây Phú				627/QĐ-UBND ngày 26/02/2025	89.235.133		200.000	89.035.133	89.235.133		200.000	89.035.133	
I.10	Ngành, lĩnh vực: 321 - Thương mại					2.421.931	-	-	2.421.931	2.421.931	-	-	2.421.931	
1	Chỉnh trang khuôn viên chợ Hòa Sơn; Hạng mục: bó vỉa, lát gạch Block lối đi và bê tông xi măng mương thoát nước trước chợ		2023		102/QĐ-UBND ngày 3/3/2023	1.200.556			1.200.556	1.200.556			1.200.556	
2	Nâng cấp, xây dựng chợ Hòa Sơn		2022		Số 280/QĐ-UBND ngày 20/7/2022	1.221.375			1.221.375	1.221.375			1.221.375	
I.11	Ngành, lĩnh vực: 332 - Quy hoạch					2.500.000	-	-	2.500.000	2.500.000	-	-	2.500.000	
	Lập quy hoạch chung xây dựng xã Bình Phú					2.500.000			2.500.000	2.500.000			2.500.000	
I.12	Ngành, lĩnh vực: 341 - Quản lý nhà nước					2.280.825	-	-	2.280.825	2.280.825	-	-	2.280.825	
1	Sân bê tông phía sau nhà làm việc UBND xã		2022		Số 264/QĐ-UBND ngày 7/7/2022	529.940			529.940	529.940			529.940	
2	Cải tạo tường rào, cổng ngõ, nhà xe, sân nền trạm y tế xã; Nhà để xe UBND; Mái hiên nhà văn hóa thôn Phú Mỹ		2023		148, 26/04/2023	200.431			200.431	200.431			200.431	
3	Làm nhà để xe khách và nhân dân đến liên hệ công tác tại UBND xã		2021		147, 26/04/2023	250.454			250.454	250.454			250.454	
4	Sửa chữa Trụ sở làm việc xã Bình Phú					1.300.000			1.300.000	1.300.000			1.300.000	
I.13	Ngành, lĩnh vực: 371 - Chính sách và hoạt động phục vụ người có công với cách mạng					554.459	-	-	554.459	554.459	-	-	554.459	
1	Nhà quản trang nghĩa trang liệt sĩ xã Bình Tường		2023		138/QĐ-UBND ngày 30/11/2023	325.399			325.399	325.399			325.399	
2	Xây dựng sân bê tông, bồn hoa, trồng cây xanh khu vực nhà quản trang nghĩa trang liệt sĩ		2024		92/QĐ-UBND ngày 3/4/2024	229.060			229.060	229.060			229.060	
II	Nguồn tăng thu ngân sách xã năm 2024					1.742.573	-	-	1.742.573	1.742.573	-	-	1.742.573	-

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư theo quyết định đầu tư	Thời gian KH-HT	Địa điểm thực hiện theo địa giới hành chính mới (1)	Quyết định phê duyệt đầu tư					Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025				Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó:			Tổng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn	Trong đó:			
							Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã		Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	19
II.1	Ngành, lĩnh vực: 341 - Quản lý nhà nước					674.341	-	-	674.341	674.341	-	-	674.341	
1	Trụ sở làm việc HONND và UBND xã Tây Phú, Hạng mục: Tường rào, cổng ngõ, Lát gạch Block vỉa hè		2023		176, 23/05/2023	674.341			674.341	674.341			674.341	
II.2	Ngành, lĩnh vực: 292 - Giao thông đường bộ					1.068.232	-	-	1.068.232	1.068.232	-	-	1.068.232	
1	Ngõ Dụ đến Cầu Đồi		2023		176, 23/05/2023	379.871			379.871	379.871			379.871	
2	Nâng cấp xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Phú Mỹ		2021		711, 30/09/2021	688.361			688.361	688.361			688.361	
III	Nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (NST - Mã 20492; Mã DP 025)					11.786.721	-	11.786.721	-	11.786.721	-	11.786.721	-	
III.1	Ngành, lĩnh vực: 161 - Văn hóa					8.837.000		8.837.000		8.837.000		8.837.000		
1	Xây dựng Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã Bình Tường.		2023		Số 492/QĐ-UBND, ngày 30/12/2022	8.837.000		8.837.000		8.837.000		8.837.000		
III.2	Ngành, lĩnh vực: 321 - Thương mại					1.200.556		1.200.556		1.200.556		1.200.556		
1	Chỉnh trang khuôn viên chợ Hòa Sơn; Hạng mục: bó vỉa, lát gạch Block lối đi và bê tông xi măng mương thoát nước trước chợ		2023		102/QĐ-UBND ngày 3/3/2023	1.200.556		1.200.556		1.200.556		1.200.556		
III.3	Ngành, lĩnh vực: 312 - Kiến thiết thị chính					414.707		414.707		414.707		414.707		
1	Kè mái BTXM; BTXM mở rộng; vỉa hè mở rộng đoạn trước trạm Y tế xã + trước trường THCS Tây Phú + gần cổng chào Phú Thọ				149, 26/04/2023	414.707		414.707		414.707		414.707		
III.4	Ngành, lĩnh vực: 292 - Giao thông đường bộ					1.334.458	-	1.334.458	-	1.334.458	-	1.334.458	-	
1	BTXM từ đường tránh phía Nam thị trấn Phú Phong đến Gò Thủy Thuần - thôn Phú Hiệp				166, 30/05/2024	1.334.458		1.334.458		1.334.458		1.334.458		
IV	Nguồn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng Đồng bào DTTS và Miền núi					8.505.076	4.698.303	3.806.773	-	8.505.076	4.698.303	3.806.773	-	
a	Nguồn vốn Trung ương					4.698.303	4.698.303	-	-	4.698.303	4.698.303	-	-	
-	Mã CTMT: 10514 (MDP 015)					4.279.303	4.279.303	-	-	4.279.303	4.279.303	-	-	
1	Sân thể thao làng Xà Tang		2024		Số 4748, ngày 30/10/2024	816.530	816.530			816.530	816.530			
2	Nâng cấp đường BTXM từ rẫy Đình Truyền đến ruộng Đình Dem		2025		Số 1337, ngày 06/4/2025	498.000	498.000			498.000	498.000			
3	Nâng cấp đường BTXM từ ruộng vườn Gòn đến bến cây Trâm		2025		Số: 1274, ngày 01/4/2025	870.453	870.453			870.453	870.453			
4	Thảm BT nhựa từ nhà Đình Rừng đến nhà Đình Tay		2025		Số: 1277, ngày 01/4/2025	1.174.758	1.174.758			1.174.758	1.174.758			
5	Thảm BT nhựa Đường làng Kon Mon		2025		Số 1335, ngày 04/4/2025	919.562	919.562			919.562	919.562			

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư theo quyết định đầu tư	Thời gian KH-HT	Địa điểm thực hiện theo địa giới hành chính mới (1)	Quyết định phê duyệt đầu tư					Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025				Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó:			Tổng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn	Trong đó:			
							Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã		Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	19
-	Mã CTMT: 10521 (MDP 015)					419.000	419.000			419.000	419.000			
1	Thiết lập điểm ứng dụng công nghệ thông tin				Số: 9880, ngày 28/12/2023	75.000	75.000			75.000	75.000			
2	Giao UBND xã phân bổ chi tiết danh mục để triển khai TDA 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		2025			344.000	344.000			344.000	344.000			
b	Nguồn vốn đối ứng ngân sách tỉnh					3.806.773	-	3.806.773	-	3.806.773	-	3.806.773	-	
-	Mã CTMT: 20514 (MDP 025)					3.462.773	-	3.462.773	-	3.462.773	-	3.462.773	-	
1	Nâng cấp đường BTXM từ rẫy Đình Truyền đến ruộng Đình Dem		2025		Số 1337, ngày 06/4/2025	498.000		498.000		498.000		498.000		
2	Nâng cấp đường BTXM từ ruộng vườn Gòn đến bến cây Trâm		2025		Số: 1274, ngày 01/4/2025	870.453		870.453		870.453		870.453		
3	Thảm BT nhựa từ nhà Đình Rừng đến nhà Đình Tay		2025		Số: 1277, ngày 01/4/2025	1.174.758		1.174.758		1.174.758		1.174.758		
4	Thảm BT nhựa Đường làng Kon Mon		2025		Số 1335, ngày 04/4/2025	919.562		919.562		919.562		919.562		
-	Mã CTMT: 20521 (MDP 025)					344.000		344.000		344.000		344.000		
5	Giao UBND xã phân bổ chi tiết danh mục để triển khai TDA 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		2025			344.000		344.000		344.000		344.000		
V	BSMT kinh phí hỗ trợ GTNT, KCHKM (Quyết định số 1286/QĐ-UBND ngày 2/4/2025 của UBND huyện Tây Sơn). Thu tiền sử dụng đất ngân sách huyện năm 2025					4.601.765		4.601.765		4.601.765		4.601.765		
V.1	Ngành, lĩnh vực: 283 - Thủy lợi và dịch vụ thủy lợi					845.034		845.034		845.034		845.034		
1	Kênh mương từ ruộng ông Kiểm đến ruộng ông Hương		2022		223/QĐ-UBND, 8/6/2022	433.980		433.980		433.980		433.980		
2	Kênh mương Bờ Đổ		2022		225/QĐ-UBND, 8/6/2022	129.724		129.724		129.724		129.724		
3	Kênh mương từ cầu nhà Chiếu đến ruộng ông Tuấn		2022		224/QĐ-UBND, 8/6/2022	281.330		281.330		281.330		281.330		
V.2	Ngành, lĩnh vực: 292 - Giao thông đường bộ					3.756.731		3.756.731		3.756.731		3.756.731		

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư theo quyết định đầu tư	Thời gian KH-HT	Địa điểm thực hiện theo địa giới hành chính mới (1)	Quyết định phê duyệt đầu tư					Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025				Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó:			Tổng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn	Trong đó:			
							Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã		Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	19
1	Tuyến đường nội bộ khu dân cư Hòa Trung		2022		279/QĐ-UBND 20/7/2022	1.036.040		1.036.040		1.036.040		1.036.040		
2	Tuyến đường Gò Cây xóm 1		2022		360/QĐ-UBND 23/8/2022	323.406		323.406		323.406		323.406		
3	Tuyến đường ruộng ông Diệt đến ruộng ông Bạ Xóm 1 Hòa Hiệp		2022		361/QĐ-UBND 23/8/2022	485.111		485.111		485.111		485.111		
4	Tuyến đường từ ruộng ông Đụng đến ruộng ông Dũng		2303		362/QĐ-UBND 23/8/2022	282.962		282.962		282.962		282.962		
5	Tuyến đường từ nhà bà Hiến đến đồng đất cát xóm 1 Hòa Hiệp		2023		330/QĐ-UBND 28/9/2023	352.266		352.266		352.266		352.266		
6	Tuyến đường từ ruộng ông Lang đến ruộng ông Trung xóm 4 Hòa Hiệp		2023		331/QĐ-UBND 28/9/2023	1.056.749		1.056.749		1.056.749		1.056.749		
7	Tuyến đường từ nhà ông Bảy Có đến nhà ông Bồn Minh		2023		332/QĐ-UBND 28/9/2023	220.197		220.197		220.197		220.197		